

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 366/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2017/QH14 và Luật số 08/2026/QH16;

Căn cứ Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 104/2018/NĐ-CP NGÀY 08 THÁNG 8 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài gồm:

1. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí hoạt động chuyên môn đặc thù trong lĩnh vực thương mại (sau đây gọi chung là kinh phí hoạt động trong lĩnh vực thương mại) tại cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là cơ quan đại diện).

2. Quản lý các dự án đầu tư tại cơ quan đại diện.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2017/QH14 và Luật số 08/2026/QH16 sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp đặc biệt bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền.”

Điều 2. Sửa tên gọi của Chương III như sau:

“Chương III

**QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VÀ
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MUA SẺ, SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP
TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ; CHI THUÊ, MUA SẺ HÀNG HÓA,
DỊCH VỤ; SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG,
XÂY DỰNG MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG CÁC DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÁC NHIỆM VỤ CẦN THIẾT KHÁC
TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN SAU KHI CẤP CÓ THẨM QUYỀN
GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC”**

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Nguyên tắc quản lý

1. Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và quyết toán vốn đầu tư dự án của cơ quan đại diện từ nguồn vốn đầu tư công được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công.

Việc chấp hành dự toán, kế toán, quyết toán và công khai dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện gồm trụ sở, nhà ở cán bộ, nhân viên của cơ quan đại diện, nhà riêng của người đứng đầu cơ quan đại diện, công trình khác của cơ quan đại diện là dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

3. Những nội dung quản lý, triển khai dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện không được quy định tại Nghị định này được thực hiện theo các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Công an để bảo đảm an ninh, an toàn cho cơ quan đại diện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước có liên quan.

5. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng các bộ có cơ quan ở nước ngoài được quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục chuẩn bị, thực hiện và kết thúc dự án đầu tư xây dựng của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

6. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng các bộ có cơ quan ở nước ngoài có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua bất động sản tại nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình theo trình tự, thủ tục khẩn cấp khi phát sinh nhu cầu ngoài danh mục đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

7. Việc thực hiện dự án đầu tư, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê dịch vụ và các nhiệm vụ cần thiết khác; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phải căn cứ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, trang thiết bị; tiêu chuẩn, định mức về diện tích trụ sở, nhà ở phục vụ hoạt động của cơ quan đại diện theo quy định pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan và nằm trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao.

8. Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh tế và chịu trách nhiệm giải trình.

9. Đối với nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước: trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này áp dụng đối với nhiệm vụ có dự toán tối đa được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

10. Xác định tỷ giá đối với các gói thầu sử dụng từ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước:

a) Tỷ giá giữa đồng đô-la Mỹ và đồng tiền sở tại để xác định hạn mức gói thầu là tỷ giá bán đô-la Mỹ ngày làm việc cuối cùng năm liền trước của ngân hàng nơi cơ quan đại diện mở tài khoản niêm yết;

b) Tỷ giá giữa đồng đô-la Mỹ và đồng Việt Nam để xác định dự toán tối đa quy định tại khoản 9 Điều này là tỷ giá lập dự toán theo quy định.

11. Xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng bước thiết kế cơ sở được xác định theo quy định của nước sở tại; trường hợp không có đầy đủ cơ sở xác định chi phí theo quy định của nước sở tại thì được xác định trên cơ sở một hoặc kết hợp các căn cứ sau: báo giá của nhà thầu địa phương (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá) hoặc chứng thư thẩm định giá, suất vốn đầu tư, dữ liệu chi phí của công trình tương tự đã thực hiện tại nước sở tại có tính đến yếu tố trượt giá. Báo giá được sử dụng để xác định chi phí cho toàn bộ công trình hoặc cho từng hạng mục, phần việc cụ thể phù hợp với phạm vi cung cấp của báo giá. Các chi phí để đáp ứng các yêu cầu pháp lý, kỹ thuật và thủ tục của nước sở tại được tính vào tổng mức đầu tư xây dựng của dự án;

b) Dự toán xây dựng công trình bước thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được xác định theo quy định của nước sở tại; trường hợp không có đầy đủ cơ sở xác định theo quy định của nước sở tại thì được xác định trên cơ sở báo giá của nhà thầu địa phương (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá) hoặc chứng thư thẩm định giá. Báo giá chỉ được sử dụng để xác định chi phí của hạng mục, phần việc, công tác xây dựng, thiết bị hoặc dịch vụ tương ứng với nội dung của báo giá;

c) Tỷ lệ dự phòng phí được tính gồm dự phòng cho phát sinh khối lượng, dự phòng cho yếu tố trượt giá:

Tỷ lệ dự phòng cho yếu tố phát sinh về khối lượng được xác định tối đa là 10%.

Tỷ lệ dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định tối thiểu là 5% hoặc theo tỷ lệ lạm phát tại mỗi địa bàn.

d) Việc lập dự toán được thực hiện theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ phù hợp với khối lượng công việc thực hiện theo từng địa bàn cụ thể nơi thực hiện dự án, trong đó bao gồm các chi phí đặc thù khi triển khai nhiệm vụ liên quan đến yếu tố nước ngoài (chi phí đi lại, lưu trú quốc tế, dịch thuật chuyên ngành, thuê chuyên gia bản địa hỗ trợ).

12. Áp dụng tỷ giá quy đổi giữa đồng đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại với đồng Việt Nam trong theo dõi, đối chiếu, hạch toán kế toán đối với vốn đầu tư công:

a) Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước đầu năm: Áp dụng tỷ giá theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 129/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại;

b) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước trong năm (nếu có): Áp dụng theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Bộ Tài chính thông báo tại thời điểm giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm;

c) Kết thúc năm ngân sách, trường hợp số giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm quy đổi sang đồng đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại thấp hơn so với số vốn thực tế đã giải ngân trong năm bằng đồng đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại, cơ quan đại diện thực hiện điều chỉnh trên báo cáo tài chính năm số giao kế hoạch vốn năm bằng tiền đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại theo số vốn thực tế đã giải ngân của năm;

d) Lấy tỷ giá quy đổi giữa đồng đô-la Mỹ hoặc đồng tiền sở tại với đồng tiền Việt Nam tại Quyết định phê duyệt/điều chỉnh dự toán gói thầu làm căn cứ theo dõi, đối chiếu, điều chỉnh, bổ sung dự toán tiền Việt Nam còn thiếu (nếu có) và phục vụ quyết toán vốn đầu tư gói thầu, dự án.

13. Về mức vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng và bảo đảm thực hiện hợp đồng:

a) Thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia nơi đầu tư xây dựng công trình và quy định cụ thể trong hợp đồng;

b) Trường hợp pháp luật của quốc gia nơi đầu tư xây dựng công trình không có quy định cụ thể, áp dụng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về xây dựng;

c) Trường hợp đặc thù không thuộc điểm a và điểm b nêu trên, chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện về quyết định của mình trước người quyết định đầu tư và các cơ quan có liên quan về nội dung này;

d) Trường hợp nhà thầu Việt Nam tham gia thực hiện gói thầu thuộc dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với các nội dung này.

14. Về bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia nơi đầu tư xây dựng công trình và quy định cụ thể trong hợp đồng. Trường hợp pháp luật của quốc gia nơi đầu tư xây dựng công trình không có quy định cụ thể, thực hiện theo quy định như sau:

a) Đối với hợp đồng tư vấn, phi tư vấn

Hợp đồng có giá trị tương đương không quá 300.000 đô-la Mỹ: Giá trị tạm ứng tương đương lớn hơn 40.000 đô-la Mỹ, bắt buộc phải có bảo lãnh tạm ứng.

Hợp đồng có giá trị tương đương trên 300.000 đô-la Mỹ: Giá trị tạm ứng tương đương lớn hơn 80.000 đô-la Mỹ, bắt buộc có bảo lãnh tạm ứng.

b) Đối với hợp đồng mua sắm hàng hóa, xây lắp, sản phẩm công trình

Hợp đồng có giá trị tương đương không quá 2.000.000 đô-la Mỹ: Giá trị tạm ứng tương đương lớn hơn 120.000 đô-la Mỹ, bắt buộc có bảo lãnh tạm ứng.

Hợp đồng có giá trị tương đương trên 2.000.000 đô-la Mỹ: Giá trị tạm ứng tương đương lớn hơn 200.000 đô-la Mỹ, bắt buộc có bảo lãnh tạm ứng.

c) Trước khi bên giao thầu thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho bên nhận thầu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, bên nhận thầu phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị và loại tiền tương đương khoản tiền tạm ứng hợp đồng;

d) Trường hợp đặc thù không thuộc điểm a và điểm b nêu trên, chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện về quyết định của mình trước người quyết định đầu tư và các cơ quan có liên quan về nội dung này;

đ) Trường hợp nhà thầu Việt Nam tham gia thực hiện gói thầu thuộc dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với các nội dung này.

15. Đối với các gói thầu thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ để tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc thù về quốc phòng, an ninh.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Công tác thẩm tra, thẩm định dự án đầu tư xây dựng

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực thẩm tra thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng các nội dung sau:

a) Kiểm tra sự phù hợp của thiết kế với quy hoạch, tiêu chuẩn xây dựng tại nước sở tại và mục tiêu đầu tư đã được phê duyệt;

b) Thẩm tra sự phù hợp khối lượng so với hồ sơ thiết kế;

c) Thẩm tra sự phù hợp của giá trị dự toán, tổng mức đầu tư.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ của hồ sơ và sự phù hợp về chi phí tổng thể so với mặt bằng giá tại địa bàn của báo cáo kết quả thẩm tra.

3. Trên cơ sở kết quả thẩm tra và báo cáo của chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn của bộ chủ quản thực hiện công tác thẩm định như sau:

a) Thẩm định sự phù hợp với chủ trương, mục tiêu, quy mô đầu tư, diện tích và tiêu chuẩn định mức nhà đất theo quy định đối với cơ quan đại diện;

b) Thẩm định sự phù hợp với tổng mức đầu tư được duyệt;

c) Xin ý kiến phối hợp của Bộ Xây dựng khi thực hiện thẩm định đối với dự án nhóm A;

d) Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn của bộ chủ quản, chủ đầu tư xin ý kiến của cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền sở tại về sự phù hợp với quy định pháp luật sở tại làm căn cứ cho công tác thẩm định, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Về trình tự, thủ tục thực hiện việc lựa chọn nhà thầu ngoài lãnh thổ Việt Nam

1. Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn có giá trị tương đương không quá 500.000 đô-la Mỹ; gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, sản phẩm công trình và gói thầu theo hình thức hợp đồng hỗn hợp gồm thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP), thiết kế và xây lắp (EC), thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC) có giá trị tương đương không quá 800.000 đô-la Mỹ sử dụng nguồn vốn đầu tư công, việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1: Căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc, dự toán được duyệt, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu có khả năng thực hiện và có báo giá phù hợp với gói thầu.

Bước 2: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

2. Đối với gói thầu tư vấn, phi tư vấn có giá trị tương đương trên 500.000 đô-la Mỹ; gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, sản phẩm công trình và gói thầu theo hình thức hợp đồng hỗn hợp EP, EC, EPC có giá trị tương đương trên 800.000 đô-la Mỹ sử dụng nguồn vốn đầu tư công thì việc lựa chọn một nhà thầu thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1: Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu để phát hành hồ sơ yêu cầu.

Bước 2: Chủ đầu tư lập hoặc thuê tư vấn lập hồ sơ yêu cầu bao gồm các thông tin: (i) Chỉ dẫn nhà thầu về việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; (ii) Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất gồm đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm phù hợp với quy định của sở tại; đánh giá giải pháp thực hiện gói thầu; tiêu chuẩn đánh giá về tài chính; (iii) Một số biểu mẫu cần thiết; (iv) Yêu

cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật; (v) Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng. Khi tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất: sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật.

Bước 3: Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ yêu cầu và gửi cho nhà thầu. Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất.

Bước 4: Chủ đầu tư đánh giá hoặc thuê tư vấn đánh giá hồ sơ đề xuất, tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu đến thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo hồ sơ yêu cầu.

Bước 5: Chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: Có hồ sơ đề xuất hợp lệ; đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt.

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

3. Đối với gói thầu mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ và nhiệm vụ cần thiết khác sử dụng nguồn chi thường xuyên:

a) Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá tương đương không quá 5.000 đô-la Mỹ: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về quyết định mua sắm, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật;

b) Đối với gói thầu có giá tương đương từ trên 5.000 đô-la Mỹ đến không quá 20.000 đô-la Mỹ, căn cứ một trong các tài liệu sau: báo giá, thông báo công khai trên trang mạng hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của sở tại (sau đây gọi là báo giá) của ít nhất 01 nhà cung cấp (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá), chủ đầu tư chịu trách nhiệm về quyết định mua sắm, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không bắt buộc ký hợp đồng hoặc văn bản có tính pháp lý tương đương theo quy định của sở tại (sau đây gọi tắt là hợp đồng) nhưng phải bảo đảm chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật;

c) Đối với gói thầu có giá tương đương từ trên 20.000 đô-la Mỹ, căn cứ báo giá của ít nhất 01 nhà cung cấp (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá), chủ đầu tư thực hiện lựa chọn nhà thầu theo trình tự sau:

Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu: Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc, dự toán được duyệt để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư lựa chọn thực hiện gói thầu.

Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý thực hiện hợp đồng theo tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng;

d) Đối với gói thầu mua xe ô tô: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định về chủng loại, chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

đ) Đối với gói thầu thuê mới hoặc đổi nhà thuê trụ sở làm việc, nhà ở, nhà riêng của người đứng đầu cơ quan đại diện: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

4. Đối với gói thầu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên:

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện khảo sát hoặc thuê tư vấn khảo sát để xác định mục tiêu, phạm vi, nội dung công việc và dự toán làm cơ sở xác định hạn mức của gói thầu, xin ý kiến bằng văn bản của đơn vị chuyên môn do cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ (trong trường hợp cần thiết) trước khi thực hiện.

a) Đối với gói thầu có giá tương đương không quá 500.000 đô-la Mỹ, chủ đầu tư thực hiện theo trình tự sau:

Chủ đầu tư gửi thông tin tóm tắt về gói thầu (bao gồm mục tiêu, phạm vi công việc) cho ít nhất 01 nhà thầu dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu để thu thập báo giá (khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá).

Nhà thầu gửi báo giá cho chủ đầu tư. Báo giá phải có đủ thông tin để chứng minh về khả năng thực hiện gói thầu, tiến độ, khối lượng công việc, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư lựa chọn thực hiện gói thầu.

Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý thực hiện hợp đồng theo tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng.

b) Đối với gói thầu có giá tương đương từ trên 500.000 đô-la Mỹ đến tối đa theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Nghị định này, chủ đầu tư thực hiện theo quy trình sau:

Chủ đầu tư lập hoặc thuê tư vấn lập hồ sơ yêu cầu. Hồ sơ yêu cầu bao gồm các thông tin: Chỉ dẫn nhà thầu về việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất gồm đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất, tiêu

chuẩn đánh giá về khả năng thực hiện gói thầu theo quy định của sở tại, yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật, dự thảo hợp đồng. Khi tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất: sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về khả năng thực hiện gói thầu.

Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ yêu cầu và gửi cho nhà thầu được chủ đầu tư đánh giá có khả năng thực hiện gói thầu.

Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

Chủ đầu tư đánh giá hoặc thuê tư vấn đánh giá hồ sơ đề xuất. Việc đánh giá hồ sơ đề xuất phải được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư có thể mời nhà thầu đến làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu của nhà thầu.

Nhà thầu được lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Có hồ sơ đề xuất hợp lệ; đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt.

Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý thực hiện hợp đồng theo tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng.

5. Đối với các gói thầu mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại cơ quan đại diện sử dụng từ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán kinh phí và tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan khác.”

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2019/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 01 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 51/2024/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2024

Điều 6. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp; viên chức, công nhân viên làm việc trong lực lượng vũ trang, được cấp

có thẩm quyền cử đi công tác nhiệm kỳ tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và các quy định liên quan khác.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền giao kiêm nhiệm công tác tại nước khác hoặc tổ chức quốc tế khác được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn như sau: Kiêm nhiệm từ một đến hai nước hoặc tổ chức quốc tế khác được hưởng 15% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn; kiêm nhiệm từ ba nước hoặc tổ chức quốc tế khác trở lên được hưởng 20% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn.

Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài tham gia công tác kiêm nhiệm được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm theo tỷ lệ tương ứng với từng chức vụ ngoại giao và chức danh có chỉ số sinh hoạt phí tương đương quy định tại Bảng tỷ lệ hưởng phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn ban hành kèm theo Nghị định này.

Mỗi bộ, ngành có biên chế tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được phân công tối đa 01 thành viên tham gia công tác kiêm nhiệm. Người đứng đầu cơ quan chủ quản trong nước có trách nhiệm phân công thành viên tham gia công tác kiêm nhiệm tại địa bàn.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 7 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài công tác nhiệm kỳ tại địa bàn đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh nghiêm trọng đe dọa tính mạng hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp hằng tháng bằng 30% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn.

Căn cứ báo cáo của người đứng đầu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và xét tình hình thực tế tại địa bàn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định địa bàn và thời gian được hưởng khoản trợ cấp này.”

2. Bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước chi trả toàn bộ chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9 như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước thanh toán tiền nhà ở, tiền điện, tiền nước, tiền chất đốt, tiền thuê bao cáp truyền hình, tiền cước phí điện thoại, tiền thuê bao internet; được hưởng 40% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có), được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội như khi công tác trong nước.”

2. Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được thanh toán tiền vé khứ hồi về Việt Nam hoặc nước thứ ba trong nhiệm kỳ công tác khi bố, mẹ đẻ, bố, mẹ vợ, bố, mẹ chồng, bố, mẹ nuôi theo quy định của pháp luật, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật, qua đời ở Việt Nam, ở sở tại hoặc ở nước thứ ba.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

Bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 như sau:

“7a. Vợ, chồng đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước chi trả toàn bộ chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Chế độ đối với con đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

1. Con đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được hỗ trợ học phí cho đến hết bậc trung học phổ thông tại quốc gia tiếp nhận, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ học phí cấp theo từng tháng trong năm học với mức tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở, áp dụng đối với các trường hợp thực tế có đóng học phí ở sở tại;

b) Điều kiện được hưởng hỗ trợ học phí là tại những địa bàn mà các trường công lập sở tại không có chính sách miễn học phí cho con thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hoặc tại những địa bàn mà con của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài phải học trường ngoài công lập.

2. Con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước chi trả chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh và chế độ vé máy bay tương tự như đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

được Nhà nước chi trả toàn bộ chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan.”

Điều 12. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại Nghị định này được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”

Điều 13. Sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm và Phụ lục như sau:

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 3.
2. Thay thế cụm từ “phu nhân/phu quân” bằng cụm từ “vợ, chồng thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài” tại Điều 4, Điều 5 và Điều 11.
3. Sửa đổi Bảng chỉ số sinh hoạt phí đối với thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài giữ chức vụ ngoại giao (Bảng 1) và Bảng chỉ số sinh hoạt phí đối với vợ, chồng đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài (Bảng 5) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2026.
2. Quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 6 của Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 của Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.
3. Các chế độ quy định tại Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đối với thành viên và vợ, chồng, con đi theo thành viên cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.
4. Thành viên và vợ, chồng, con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài tiếp tục hưởng các chế độ tại Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. Việc áp dụng các chế độ tại Nghị định này đối với thành viên và vợ, chồng, con đi theo thành viên cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). *1H*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Gia Túc



Phụ lục
(Kèm theo Nghị định số 366/2026/NĐ-CP
ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

Bảng 1
BẢNG CHỈ SỐ SINH HOẠT PHÍ
ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM
Ở NƯỚC NGOÀI GIỮ CHỨC VỤ NGOẠI GIAO

Chức vụ ngoại giao	Bậc I	Bậc II	Bậc III	Bậc IV	Bậc V
Đại sứ, Đại biện					
Chỉ số SHP	238%	250%			
Hệ số lương trong nước	7,27 trở xuống	7,28 trở lên			
Công sứ, Tổng lãnh sự, Chủ nhiệm Văn phòng Kinh tế - Văn hóa tại Đài Bắc					
Chỉ số SHP	226%	236%			
Hệ số lương trong nước	6,20 trở xuống	6,21 trở lên			
Tham tán Công sứ					
Chỉ số SHP	214%	224%			
Hệ số lương trong nước	6,19 trở xuống	6,20 trở lên			
Tù viên Quốc phòng					
Chỉ số SHP	206%	214%	224%		
Hệ số lương trong nước	7,29 trở xuống	7,30 - 7,99	8,00 trở lên		
Phó Tùy viên Quốc phòng					
Chỉ số SHP	196%	204%			
Hệ số lương trong nước	7,29 trở xuống	7,30 trở lên			
Tham tán, Phó Tổng lãnh sự, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Kinh tế - Văn hóa tại Đài Bắc					
Chỉ số SHP	196%	204%			
Hệ số lương trong nước	5,07 trở xuống	5,08 trở lên			

Chức vụ ngoại giao	Bậc I	Bậc II	Bậc III	Bậc IV	Bậc V
Trợ lý Tùy viên Quốc phòng					
Chỉ số SHP	164%	172%	180%	188%	
Hệ số lương trong nước	4,99 trở xuống	5,00 – 6,59	6,60 – 7,29	7,30 trở lên	
Bí thư thứ nhất					
Chỉ số SHP	180%	188%			
Hệ số lương trong nước	3,66 - 4,31	4,32 trở lên			
Bí thư thứ hai					
Chỉ số SHP	172%				
Hệ số lương trong nước	3,33 trở lên				
Bí thư thứ ba					
Chỉ số SHP	164%				
Hệ số lương trong nước	3,00 trở lên				
Lãnh sự, Trợ lý Chủ nhiệm Văn phòng Kinh tế - Văn hóa tại Đài Bắc					
Chỉ số SHP	164%	172%	180%	188%	
Hệ số lương trong nước	3,32 trở xuống	3,33 - 3,65	3,66 - 4,31	4,32 trở lên	
Phó Lãnh sự, Trợ lý Chủ nhiệm Văn phòng Kinh tế - Văn hóa tại Đài Bắc					
Chỉ số SHP	156%	164%	172%		
Hệ số lương trong nước	2,99 trở xuống	3,00 - 3,32	3,33 trở lên		
Tùy viên, Tùy viên lãnh sự					
Chỉ số SHP	156%				
Hệ số lương trong nước	2,34 trở lên				

Bảng 5
BẢNG CHỈ SỐ SINH HOẠT PHÍ ĐỐI VỚI VỢ, CHỒNG ĐI THEO
THÀNH VIÊN CƠ QUAN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Chức danh	Chỉ số SHP
Vợ hoặc chồng của Đại sứ, Đại biện	130%
Vợ hoặc chồng của Đại sứ không phải người đứng đầu Cơ quan đại diện, Công sứ, Tham tán Công sứ, Tham tán, Tùy viên Quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng, Tổng lãnh sự, Chủ nhiệm Văn phòng Kinh tế - Văn hóa tại Đài Bắc, Phó Tổng lãnh sự, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Kinh tế - Văn hóa tại Đài Bắc và Trưởng cơ quan Việt Nam ở nước ngoài không giữ chức vụ ngoại giao	120%
Vợ hoặc chồng của Tùy viên đến Bí thư thứ nhất, Lãnh sự, Phó Lãnh sự, Trợ lý Tùy viên Quốc phòng, Trợ lý Chủ nhiệm Văn phòng Kinh tế - Văn hóa tại Đài Bắc và vợ hoặc chồng của các thành viên khác không giữ chức vụ ngoại giao hoặc lãnh sự nhưng hưởng chỉ số sinh hoạt phí tương đương	110%
Vợ hoặc chồng của cơ yếu, kế toán, văn thư, nhân viên hành chính, kỹ thuật, lái xe, cấp dưỡng, tạp vụ, bảo vệ	100%

BẢNG TỶ LỆ HƯỞNG PHỤ CẤP KIÊM NHIỆM ĐỊA BÀN

Chức vụ/chức danh có chỉ số sinh hoạt phí tương đương	Tỷ lệ hưởng phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn (tính theo mức 15% hoặc 20% mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn)
Đại sứ, Đại biện, Tổng Lãnh sự, Trưởng Phái đoàn	100%
Công sứ, Tham tán Công sứ và tương đương	95%
Tham tán, Phó Tổng Lãnh sự, Phó Trưởng Phái đoàn và tương đương	90%
Bí thư thứ nhất và tương đương	85%
Bí thư thứ hai và tương đương	80%
Bí thư thứ ba và tương đương	75%
Tùy viên và tương đương	70%